TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 19 - 3 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiện.

2. Ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐ - ST ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023 cùng lời khai tại phiên hòa giải, phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị H có cho bị đơn là chị Lò Thị B vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 04/3/2020, việc vay nợ này được lập thành văn bản và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, lãi được trả hàng tháng và nếu quá 01 năm không trả lãi thì số tiền lãi được cộng vào tiền vay nợ gốc, sau khi cộng số lãi chưa trả vào gốc sẽ áp dụng mức lãi suất 1,5%/ tháng cho toàn bộ số tiền nợ,

thời hạn trả nợ là ngày 04/3/2021. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ thì chị Lò Thị B không thực hiện trả nợ theo như thỏa thuận mặc dù đã được chị H đốc thúc nhiều lần. Trong quá trình vay nợ này thì chị B đã có một số lần trả tiền lãi bằng việc trả cho chị H một chiếc tủ đã cũ, hai bên thỏa thuận trị giá là 2.000.0000đ và chị B đã chuyển khoản trả cho chị H vài lần, tổng số tiền bao gồm cả giá trị của chiếc tủ thì tổng số tiền lãi đã trả là 3.600.000đ. Chị khởi kiện ra Tòa theo đơn khởi kiện đề nghị chị B phải thanh toán cho chị số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và lãi chưa thanh toán, tổng số tiền nợ là 32.400.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị và chị B đã được Tòa án tiến hành hòa giải về nội dung vụ án, sau khi thỏa thuận được tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024 thì chị B lại không nhất trí với kết quả hòa giải mà có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, do vậy chị thay đổi ý kiến đã thỏa thuận được tại phiên hòa giải và đề nghị như sau: yêu cầu chị Lò Thị B phải trả cho chị số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết thời hạn vay nợ gốc tạm tính đến hết ngày 30/01/2024 và tiếp tục phải chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31/01/2024 cho đến khi thanh toán số nợ gốc tương ứng, chấp nhận số tiền lãi 3.600.000đ chị B đã trả là tiền lãi trong hạn, yêu cầu chị B là bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

***** Trong các bản tự khai cùng lời khai tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/01/2024, tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của chị H với số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ, xác định chữ ký trong giấy vay nợ do chị H cung cấp khi khởi kiện là đúng chữ ký của chị. Nhưng chị cho rằng lãi suất giữa chị và chị H thỏa thuận là 2%/tháng chứ không phải là 1,5% như trong giấy vay nợ đã viết, sau khi hết thời hạn vay 01 năm chị H đã nhiều lần đến đòi nợ và yêu cầu chị viết lại giấy vay nợ với lãi suất 1,5% như tại giấy vay nợ chị H đã nộp khi khởi kiện, tuy nhiên chị không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai này. Chị cũng thừa nhận đã trả được cho chị H tổng số tiền lãi là 3.600.000đ đúng như chị H đã trình bày. Nay chị H khởi kiện ra Tòa yêu cầu phải trả toàn bộ số tiền nợ chị vẫn nhất trí trả nhưng do điều kiện khó khăn nên xin trả dần. Lý do chị không nhất trí với kết quả hòa giải ngày 30/01/2024 tại Tòa án và có văn bản đề nghị ngày 31/01/2024 là vì lúc đó chị chưa rõ, và chưa đọc kỹ quyết định mà đã ký. Ngoài ra, chị không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người

tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với chị Lò Thị B.

Buộc chị Lò Thị B phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc 20.000.000đ và phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền nợ gốc còn lại kể ngày hết thời hạn vay nợ gốc cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc tương ứng tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Lò Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với chị Lò Thị B cư trú tại huyện Sông Mã. Xét đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng và được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết ngày 04/3/2020 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành nên áp dụng các quy định các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét tính hợp pháp và các vấn đề khác có liên quan khi thực hiện của giao dịch dân sự này.

Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng khi giao kết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, việc giao kết giữa các bên là tự nguyện và các bên khi giao kết hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự do đó các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Về thời hiệu khởi kiện: căn cứ vào lời khai của các bên đương sự đã thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn, thời hạn vay là 01 năm, tức đến hết ngày 04/3/2021 chị B phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vay nợ gốc cho chị H, còn tiền lãi theo thỏa thuận được thực hiện trả hàng tháng. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết lợi ích của mình bị xâm hại; như vậy, đối chiếu với quy định này thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Như vậy, đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền vay nợ gốc 20.000.000đ và lãi phát sinh của chị H đối với chị B là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ tranh chấp, nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ tranh chấp: chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chị Lò Thị B phải trả lại tổng số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật chưa trả sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là 3.600.000đ. Xét các bên trong quan hệ giao kết hợp đồng này là các cá nhân với nhau không có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản.

[3.2] Về nội dung khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định được: ngày 04/3/2020 giữa chị Lò Thị B và Nguyễn Thị H đã giao kết hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 20.000.000đ. Chị Nguyễn Thị H đã thực hiện việc giao tài sản cho vay là số tiền 20.000.000đ cho chị Lò Thị B và chị B đã trả được cho chị H tổng số tiền lãi là 3.600.000đ, chị B thừa nhận có vay và nhận từ chị H số tiền 20.000.000đ và đã trả được 3.600.000đ tiền lãi như chị H khởi kiện, đây là tình tiết sự kiện rõ ràng không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy, xác định chị B có vay nợ chị H số tiền là 20.000.000đ là sự việc có thật, do vậy làm phát sinh nghĩa vụ phải trả nợ của chị B đối với chị H theo như thỏa thuận đã được giao kết trong hợp đồng vay nợ.

Về lời khai của chị B cho rằng chị H cho vay với lãi suất là 2%/tháng, không phải là 1,5%/tháng và thời hạn vay là khi nào có thì trả như văn bản vay đã thể hiện, nhưng ngoài lời khai ra chị B không có chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình, đồng thời chị B cũng thừa nhận chữ ký tại giấy vay nợ là đúng; bên cạnh đó, các đương sự đều thừa nhận quá trình vay chị B mới trả lãi được 3.600.000đ và chị H khởi kiện yêu cầu chị B phải trả số tiền lãi theo mức 1,5%/tháng trên số vay nợ gốc 20.000.000đ còn lại sau khi đã trừ đi số tiền đã trả lãi là 3.600.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án đã được các bên thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật dân sự 2015 *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do vậy lời khai này của chị B không có căn cứ chấp nhận, có đủ cơ sở khẳng định lãi suất cho vay là 1,5% và là hợp đồng vay có thời hạn như chị H đã khởi kiện là đúng.

Về mức lãi suất thỏa thuận cho vay là 1,5%/tháng: mức lãi suất này là phù hợp và không vượt quá mức lãi suất được giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; do vậy HĐXX chấp nhận mức lãi suất 1,5%/tháng như chị H đã khởi kiện. Về số tiền lãi là 3.600.000đ chị B đã trả mặc dù được trả thành nhiều lần tại các thời điểm khác nhau là không tuân thủ đúng thỏa thuận là trả tiền lãi theo từng tháng một khi vay nhưng được chị H là nguyên đơn đồng ý và chấp nhận

trừ vào toàn bộ số tiền lãi chưa trả, nên số tiền 3.600.000đ này được xác định là đã trả đủ tiền lãi trong 12 tháng theo thời hạn vay.

Về lãi chậm trả: Chị H khởi kiện yêu cầu chị B phải trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc còn lại cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc tương ứng tại thời điểm thanh toán. Xét yêu cầu khởi kiện này HĐXX thấy rằng: Do chị B đã trả đủ tiền lãi trong hạn là 3.600.000đ nên chị B không phải trả chị H tiền lãi trên nợ lãi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao mà phải trả chị H tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 là có căn cứ và đúng quy định như đã phân tích ở trên. Do vậy, chị B phải trả chị H số tiền lãi chậm trả tạm tính như sau: số tiền lãi chậm trả được tạm tính từ ngày 05/3/2021 (là ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc) cho đến hết ngày 30/01/2024 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc) là: 20.000.000đ x (1,5%/tháng x 150%) x 34 tháng 26 ngày = 15.690.000đ.

Như vậy, chị B phải trả chị H số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 05/3/2021 đến hết ngày 30/01/2024 là 15.690.000đ; tổng số tiền phải trả là 35.690.000đ và tiếp tục phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày 31/01/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc tương ứng tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 149, 429, 410, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với chị Lò Thị B.

Buộc chị Lò Thị B phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/3/2021 đến hết ngày 30/01/2024 là 15.690.000đ.

Kể từ ngày 31/01/2024 chị Lò Thị B vẫn tiếp tục phải trả cho chị Nguyễn

Thị H tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc tương ứng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc tương ứng tại thời điểm thanh toán.

Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án thì bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000đ (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000782 ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Chị Lò Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.784.500đ *(Một triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/3/2024).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung